

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BỈM SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **382** /UBND-VHTT

Bỉm Sơn, ngày **10** tháng 3 năm 2017

V/v rà soát thống kê phân loại  
các tuyến đường, phố và công trình  
công cộng trên địa bàn thị xã

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 87/SVHTTDL - NVVH ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa về việc rà soát thống kê phân loại các tuyến đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thị xã. UBND thị xã Bỉm Sơn đã tiến hành rà soát thống kê phân loại các tuyến đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thị xã, báo cáo kết quả như sau:

1, Tên đường, phố, công trình công cộng đã đặt trước khi có nghị định 91/2005:

- Tổng số 139 tên đường, phố (Có danh sách kèm theo).
- Tổng số 22 công trình công cộng (Có danh sách kèm theo).

2, Tên đường, phố, công trình công cộng đã đặt sau khi có nghị định 91/2005 đến nay:

Từ năm 2006 đến nay thị xã Bỉm Sơn chưa đặt tên đường, phố, công trình công cộng nào.

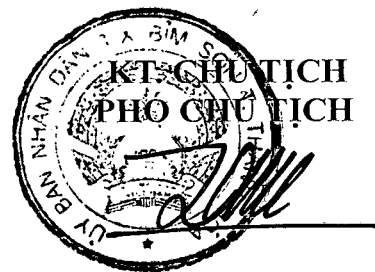
3, Các tuyến phố đề nghị đặt tên:

Thị xã Bỉm Sơn đề nghị đặt 9 tên phố (có danh sách và thuyết minh kèm theo).

UBND thị xã Bỉm Sơn báo cáo đề Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa tổng hợp báo cáo UBND Tỉnh.

**Nơi nhận:**

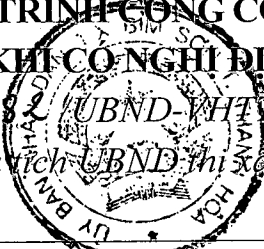
- Như trên;
- Lưu: VP, VHTT.



**Mai Đình Lâm**

**TÊN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐÃ ĐẶT  
TRƯỚC KHAI CỐ NGHỊ ĐỊNH 91/2005.**

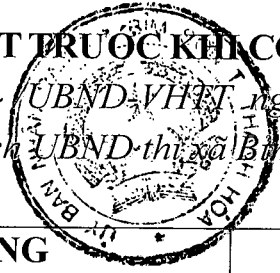
(Kèm theo Công văn số: 332/UBND-VHTT ngày 10 tháng 3 năm 2017  
của Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn)



| STT | TÊN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG    | GHI CHÚ |
|-----|-----------------------------|---------|
| 1   | Trường THCS Quang Trung     |         |
| 2   | Trường Tiểu học Quang Trung |         |
| 3   | Trường Mầm Non Quang Trung  |         |
| 4   | Trường Mầm Non Phú Sơn      |         |
| 5   | Trường THCS Ba Đình         |         |
| 6   | Trường Tiểu học Ba Đình     |         |
| 7   | Trường Mầm Non Ba Đình      |         |
| 8   | Trường THCS Ngọc Trạo       |         |
| 9   | Trường Tiểu học Ngọc Trạo   |         |
| 10  | Trường Mầm Non Ngọc Trạo    |         |
| 11  | Trường THCS Bắc Sơn         |         |
| 12  | Trường Tiểu học Bắc Sơn     |         |
| 13  | Trường Mầm Non Bắc Sơn      |         |
| 14  | Trường THCS Hà Lan          |         |
| 15  | Trường Tiểu Hà Lan          |         |
| 16  | Trường Mầm Non Hà Lan       |         |
| 17  | Trường THCS Lê quý Đôn      |         |
| 18  | Trường Tiểu Lam Sơn 1       |         |
| 19  | Trường Tiểu Lam Sơn 3       |         |
| 20  | Trường Tiểu Đông Sơn        |         |
| 21  | Trường Mầm Non Đông Sơn     |         |
| 22  | Trường PTTH Lê Hồng Phong   |         |

**TÊN ĐƯỜNG, PHỐ ĐÃ ĐẶT TRƯỚC KHI CÓ NGHỊ ĐỊNH 91/2005.**

(Kèm theo Công văn số: 882/UBND-VHTT ngày 10 tháng 3 năm 2017  
của Chủ tịch UBND thị xã Bìn Sơn)



| STT | TÊN ĐƯỜNG         | GHI CHÚ |
|-----|-------------------|---------|
| 1.  | Trần Phú          |         |
| 2.  | Nguyễn Văn Cừ     |         |
| 3.  | Nguyễn Huệ        |         |
| 4.  | Nguyễn Trãi       |         |
| 5.  | Bà Triệu          |         |
| 6.  | Trần Hưng Đạo     |         |
| 7.  | Lê Thánh Tông     |         |
| 8.  | Lê Lợi            |         |
| 9.  | Hai Bà Trưng      |         |
| 10. | Nguyễn Đức Cảnh   |         |
| 11. | Tôn Thất Thuyết   |         |
| 12. | Cù Chính Lan      |         |
| 13. | Hà Huy Tập        |         |
| 14. | Võ Thị Sáu        |         |
| 15. | Tô Vĩnh Diện      |         |
| 16. | Mai Hắc Đế        |         |
| 17. | Đào Duy Anh       |         |
| 18. | Đoàn Kết          |         |
| 19. | Nguyễn Đình Chiểu |         |
| 20. | Phan Huy Chú      |         |
| 21. | Lý Tự Trọng       |         |
| 22. | Nguyễn Bính       |         |
| 23. | Phan Đình Phùng   |         |
| 24. | Dương Đình Nghệ   |         |
| 25. | Phan Đình Giót    |         |
| 26. | Lý Thường Kiệt    |         |
| 27. | Đình Công Tráng   |         |
| 28. | Tổng Duy Tân      |         |
| 29. | Chu Văn An        |         |
| 30. | Nguyễn Văn Trỗi   |         |
| 31. | Hoàng Hoa Thám    |         |

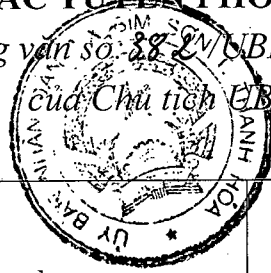
|     |                   |  |
|-----|-------------------|--|
| 32. | Đào Duy Từ        |  |
| 33. | Tô Hiệu           |  |
| 34. | Phan Bội Châu     |  |
| 35. | Lê Chân           |  |
| 36. | Lê Văn Hưu        |  |
| 37. | Trần Xuân Soạn    |  |
| 38. | Nguyễn Việt Xuân  |  |
| 39. | Lê Chí Trực       |  |
| 40. | Lê Hữu Lập        |  |
| 41. | Lê Đình Chinh     |  |
| 42. | Ngô Quyền         |  |
| 43. | Lê Văn Tám        |  |
| 44. | Nguyễn Bá Ngọc    |  |
| 45. | Bùi Thị Xuân      |  |
| 46. | Tổng Duy Tân      |  |
| 47. | Cao Thắng         |  |
| 48. | Lê Quý Đôn        |  |
| 49. | Đội Cấn           |  |
| 50. | Yết Kiêu          |  |
| 51. | Hàm Nghi          |  |
| 52. | Nguyễn Thiện      |  |
| 53. | Lãn Ông           |  |
| 54. | Cao Điền          |  |
| 55. | Cầm Bá Thước      |  |
| 56. | Nguyễn Kiên       |  |
| 57. | Phạm Bành         |  |
| 58. | Nguyễn Quốc Trị   |  |
| 59. | Thi Sách          |  |
| 60. | Trần nguyên Hãn   |  |
| 61. | Đinh Tiên Hoàng   |  |
| 62. | Tôn Thất Tùng     |  |
| 63. | Kim Đồng          |  |
| 64. | Lê Đại Hành       |  |
| 65. | Nguyễn Xuân       |  |
| 66. | Nguyễn Trường Tộ  |  |
| 67. | Nguyễn Tri Phương |  |

|      |                      |  |
|------|----------------------|--|
| 68.  | Tạ Quang Bửu         |  |
| 69.  | Nguyễn Thị Minh Khai |  |
| 70.  | Đoàn thị Điềm        |  |
| 71.  | Phan Chu Trinh       |  |
| 72.  | Phạm Hồng Thái       |  |
| 73.  | Hà Văn Mao           |  |
| 74.  | Nguyễn Du            |  |
| 75.  | Hồ Tùng Mậu          |  |
| 76.  | Hoàng Diệu           |  |
| 77.  | Lê Lai               |  |
| 78.  | Trần Quang Khải      |  |
| 79.  | Phùng Hưng           |  |
| 80.  | Trần Quý Cáp         |  |
| 81.  | Lương Đình Của       |  |
| 82.  | Thanh Niên           |  |
| 83.  | Nguyễn Bình Khiêm    |  |
| 84.  | Lê Trọng Tấn         |  |
| 85.  | Trương Định          |  |
| 86.  | Phùng Khắc Khoan     |  |
| 87.  | Hồ Quý Ly            |  |
| 88.  | Nguyễn Gia Thiều     |  |
| 89.  | Hàn Mặc Tử           |  |
| 90.  | Ngô Gia Tự           |  |
| 91.  | Đặng Trần Côn        |  |
| 92.  | Đào Tấn              |  |
| 93.  | Phùng Chí Kiên       |  |
| 94.  | Phan Kế Toại         |  |
| 95.  | Hồ Nguyên Trùng      |  |
| 96.  | Đặng Tiến Đông       |  |
| 97.  | Lê Phụng Hiểu        |  |
| 98.  | Nguyễn Khuyến        |  |
| 99.  | Huỳnh Thúc Kháng     |  |
| 100. | Lương Ngọc Quyến     |  |
| 101. | Nam Cao              |  |
| 102. | Ngô Tất Tố           |  |
| 103. | Lý Nam Đế            |  |

|      |                    |  |
|------|--------------------|--|
| 104. | Mạc Đăng Dung      |  |
| 105. | Nguyễn Thiếp       |  |
| 106. | Trương Hán Siêu    |  |
| 107. | Trần Tế Xương      |  |
| 108. | Nguyễn Tri Phương  |  |
| 109. | Nguyễn Thái Học    |  |
| 110. | Trần Đại Nghĩa     |  |
| 111. | Nguyễn Trực        |  |
| 112. | Hàn Thuyên         |  |
| 113. | Ngô Sĩ Liên        |  |
| 114. | Lương Thế Vinh     |  |
| 115. | Mạc Đĩnh Chi       |  |
| 116. | Lương Đắc Bằng     |  |
| 117. | Hồ Xuân Hương      |  |
| 118. | Trần Nguyên Đán    |  |
| 119. | Phạm Hùng          |  |
| 120. | Lê Thanh Nghị      |  |
| 121. | Lương Văn Can      |  |
| 122. | Ngô Thì Nhậm       |  |
| 123. | Phạm Sư Mạnh       |  |
| 124. | Ngô Văn Sở         |  |
| 125. | Trần Thái Tông     |  |
| 126. | Nguyễn Thiện Thuật |  |
| 127. | Lý Thái Tổ         |  |
| 128. | Trần Khát Chân     |  |
| 129. | Lý Nhân Tông       |  |
| 130. | Thiệu Trị          |  |
| 131. | Hoàng Văn Thụ      |  |
| 132. | Đặng Dung          |  |
| 133. | Đặng Quang         |  |
| 134. | Bùi Xương Trạch    |  |
| 135. | Trần Khánh Dư      |  |
| 136. | Ngô Thì Sĩ         |  |
| 137. | Ngô Gia Khâm       |  |
| 138. | Hoàng Minh Giám    |  |
| 139. | Hàm Long           |  |

## CÁC TUYẾN PHỐ ĐỀ NGHỊ ĐẶT TÊN

(Kèm theo Công văn số 382/V/UBND-VHTT ngày 10 tháng 3 năm 2017  
của Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn)



| Số TT | TÊN PHỐ                    | ĐIỂM ĐẦU                               | ĐIỂM CUỐI                                    | CHIỀU DÀI TUYẾN (m) | CHIỀU RỘNG MẶT CẮT NGANG THỰC TẾ (m) |
|-------|----------------------------|--|--|---------------------|--------------------------------------|
| I     | PHƯỜNG NGỌC TRẠO (1 tuyến) |  |  |                     |                                      |
| 1     | Tuệ Tĩnh                   | Đường Đoàn Kết                         | Hết khu dân cư (nhà Lê Thị Chiến, Khu phố 3) | 560                 | 4.3                                  |
| II    | PHƯỜNG BẮC SƠN (5 tuyến)   |  |  |                     |                                      |
| 1     | Xuân Diệu                  | Đường Bà Triệu                         | Đường Triệu Quốc Đạt                         | 320                 | 3.5                                  |
| 2     | Lê Đức Thọ                 | Đường Hoàng Diệu                       | Hết khu dân cư (Khu phố 2)                   | 420                 | 3.5                                  |
| 3     | Phạm Ngọc Thạch            | Đường Lê Lai                           | Đường Lý Thái Tổ (Liên khu 4+5)              | 600                 | 4.0                                  |
| 4     | Đoàn Khuê                  | Đường Hồ Tùng Mậu (nhà bà Sửu)         | Hết khu dân cư (Nhà bà Suốt, Khu phố 11)     | 530                 | 7.0                                  |
| III   | PHƯỜNG BA ĐÌNH (3 tuyến)   |  |  |                     |                                      |
| 1     | Nguyễn Khoái               | Nhà ông Nguyễn Đăng Lương (Khu phố 10) | Hết khu dân cư (Khu phố 10)                  | 700                 | 6.5                                  |
| IV    | PHƯỜNG LAM SƠN (1 tuyến)   |  |  |                     |                                      |
| 1     | Nguyễn Cao                 | Đường Lê Lợi                           | Đến hết khu dân cư (Khu phố 4)               | 400                 | 9.5                                  |
| V     | PHƯỜNG ĐÔNG SƠN (2 tuyến)  |  |  |                     |                                      |
| 1     | Khuất Duy Tiến             | Đường Lê Lợi                           | Đường Phùng Chí Kiên                         | 420                 | 6.0                                  |
| 2     | Hoàng Quốc Việt            | Đường Nguyễn Thị Minh Khai             | Nhà bà Lê Thị Đào (Khu phố 5)                | 400                 | 3.5                                  |

| Số TT | TÊN PHỐ   | GHI CHÚ   |
|-------|-----------|---|
| 1     | Tuệ Tĩnh  | <p>Tuệ Tĩnh Thiền sư, thường được gọi tắt là Tuệ Tĩnh hoặc Huệ Tĩnh, người làng Nghĩa Phú, tổng Văn Thái, huyện Cẩm Giàng, phủ Thượng Hồng (nay là tỉnh Hải Dương) được phong là ông tổ ngành dược Việt Nam và là người mở đầu cho nền y dược cổ truyền Việt Nam.</p> <p>Ông chính tên là Nguyễn Bá Tĩnh, biệt hiệu là Tráng Tử Vô Dật, quê ở làng Xưa, tổng Văn Thái, huyện Cẩm Giàng, phủ Thượng Hồng (nay là thôn Nghĩa Phú, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương).</p> <p>Năm 55 tuổi (1385), Tuệ Tĩnh bị đưa đi cống cho triều đình nhà Minh. Sang Trung Quốc, ông vẫn làm thuốc, nổi tiếng, được vua Minh phong là Đại y Thiền sư, mất ở đó, không rõ năm nào. Bia văn chỉ ở làng Nghĩa Phú (do Nguyễn Danh Nho soạn năm 1697) cùng các tư liệu khác ở địa phương đều ghi như vậy.</p> <p>Những năm ở trong nước, Tuệ Tĩnh đã chăm chú nghề thuốc: trồng cây thuốc, sưu tầm kinh nghiệm chữa bệnh trong dân gian, huấn luyện y học cho các tầng đồ. Ông đã tổng hợp y dược dân tộc cổ truyền trong bộ sách giá trị là bộ Nam dược thần hiệu chia làm 10 khoa. Đặc biệt, ông có bộ Hồng Nghĩa giác tư y thư (2 quyển) biên soạn bằng quốc âm, trong đó có bản thảo 500 vị thuốc nam, viết bằng thơ Nôm Đường luật, và bài "Phú thuốc Nam" 630 vị cũng bằng chữ Nôm.</p> <p>Từ bao đời nay, giới y học Việt Nam và nhân dân đều công nhận Tuệ Tĩnh có công lao to lớn trong việc xây dựng một quan điểm y học độc lập, tự chủ, sát với thực tế Việt Nam. Câu nói của ông: "Nam dược trị Nam nhân" thể hiện quan điểm đầy biện chứng về mối quan hệ mật thiết giữa con người với môi trường sống xung quanh. Quan điểm ấy dẫn dắt ông lên ngôi vị cao nhất của nền y học cổ truyền Việt Nam: Ông Thánh thuốc Nam! Trong trước tác của mình, ông không rập khuôn theo các trước tác của các đời trước, Ông đã nêu ra nhiều phương pháp khác nhau để chữa bệnh như: châm, chích, chườm, bóp, xoa, ă, uống, hơ, xông, v.v.</p> <p>Tuệ Tĩnh còn tập hợp những bài thuốc chữa bệnh cho gia súc. Có thể nói, ông đã góp phần đặt cơ sở cho ngành thú y dân tộc của Việt Nam.</p> |
| 2     | Xuân Diệu | <p>Xuân Diệu (2 tháng 2 năm 1916 – 18 tháng 12 năm 1985) là một trong những nhà thơ lớn của Việt Nam. Ông được mệnh danh là "ông hoàng thơ tình".</p> <p>Sau khi theo đảng (1945), thơ ông chủ yếu ca ngợi Đảng Lao động Việt Nam, Hồ Chí Minh, thơ tình của ông không còn được biết đến nhiều như trước.</p> <p>Ngoài làm thơ, Xuân Diệu còn là một nhà văn, nhà báo, nhà bình luận văn học.</p> <p>Ông tên thật là Ngô Xuân Diệu, quê quán làng Trảo Nha, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh nhưng sinh tại Gò Bồi, thôn Tùng Giản, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Ông là một trong những người sáng lập Đoàn báo chí Việt Nam, nay là Hội Nhà báo Việt Nam.</p> <p>Trong sự nghiệp sáng tác thơ văn của mình, Xuân Diệu được biết đến như là một nhà thơ lãng mạn trữ tình, "nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới" (Hoài Thanh), "ông hoàng của thơ tình".</p> <p>Xuân Diệu là thành viên của Tự Lực Văn Đoàn và cũng đã là một trong những chủ soái của phong trào "Thơ Mới".</p> <p>Năm 1944, Xuân Diệu tham gia phong trào Việt Minh. Sau Cách mạng Tháng Tám, ông hoạt động trong Hội văn hóa cứu</p>   |



|   |                        |  |
|---|------------------------|--|
|   |                        | <p>quốc, làm thư ký tạp chí Tiên phong của Hội. Sau đó ông công tác trong Hội văn nghệ Việt Nam, làm thư ký tòa soạn tạp chí Văn nghệ ở Việt Bắc.</p> <p>Xuân Diệu tham gia ban chấp hành, nhiều năm là ủy viên thường vụ Hội Nhà văn Việt Nam.</p> <p>Từ đó, Xuân Diệu trở thành một trong những nhà thơ hàng đầu ca ngợi cách mạng, một "dòng thơ công dân". Bút pháp của ông chuyên biến phong phú về giọng vẻ: có giọng trầm hùng, tráng ca, có giọng chính luận, giọng thơ tự sự trữ tình. Tiêu biểu là: Ngọn quốc kỳ (1945), Một khối hồng (1964), Thanh ca (1982), Tuyển tập Xuân Diệu (1983).</p> <p>Là cây đại thụ của nền thi ca hiện đại Việt Nam, Xuân Diệu đã để lại khoảng 450 bài thơ (một số lớn nằm trong di cảo chưa công bố), một số truyện ngắn, và nhiều bút ký, tiểu luận, phê bình văn học.</p> <p>Xuân Diệu từng là đại biểu Quốc hội Việt Nam khóa I. Ông còn được bầu là Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm nghệ thuật nước Cộng hòa dân chủ Đức năm 1983.</p> <p>Ông đã được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I về văn học nghệ thuật (1996).</p>  |
| 3 | <b>Lê Đức Thọ</b>      | <p>Lê Đức Thọ (10 tháng 10 năm 1911 – 13 tháng 10 năm 1990) là chính khách Việt Nam, giữ chức Trưởng Ban Tổ chức Trung Ương, phụ trách nhân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam suốt một thời kỳ dài 1956-1982. Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, ông Thọ từng được trao tặng giải Nobel Hòa bình cùng Henry Kissinger vào năm 1973 nhưng ông đã từ chối với lý do hòa bình chưa thực sự lập lại trên đất nước Việt Nam. Đó là giải Nobel duy nhất dành cho người Việt cho đến nay.</p> <p>Lê Đức Thọ tên thật là Phan Đình Khải, sinh tại thôn Địch Lễ, xã Nam Vân, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định nay là xã Nam Vân (TP Nam Định). Năm 1944 ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>Từ tháng 12 năm 1986, ông là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.</p> <p>Ông được tặng giải Nobel năm 1973 cùng với Henry Kissinger vì thương thảo thành công Hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam, nhưng ông từ chối nhận giải với lý do hòa bình vẫn chưa thực sự lập lại trên đất nước Việt Nam. Tên ông được đặt cho nhiều tuyến đường phố tại các Tỉnh, thành ở Việt Nam trong đó có thủ đô Hà Nội.</p> <p>"Ông là nhà ngoại giao không lồ. Ông không lồ ở chỗ đối phương đối thoại với Lê Đức Thọ là Kissinger, một học giả rất lớn của Mỹ thời đó. Lúc đó, Kissinger rất ngạo mạn, những tướng có thể đè bẹp Lê Đức Thọ nhưng không thể được. Ví như làm thế nào để thống nhất được với Mỹ về vấn đề Mỹ phải rút quân. Mỹ muốn nếu Mỹ rút quân thì miền Bắc cũng phải rút quân khỏi miền Nam, đánh đồng như thế không thể được. Cuối cùng đồng chí Lê Đức Thọ đưa ra một công thức đó là vấn đề quân đội Việt Nam ở lãnh thổ Việt Nam do các bên Việt Nam giải quyết với nhau. Còn việc Mỹ rút quân là chuyện Mỹ phải rút.</p> |
| 4 | <b>Phạm Ngọc Thạch</b> | <p>Phạm Ngọc Thạch (1909-1968) là một Nhà khoa học y khoa Việt Nam, Giáo sư tiến sĩ khoa học, nguyên Bộ trưởng Bộ Y tế trong chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ông được Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1997 vì các cống hiến trong lĩnh vực khoa học.</p> <p>Phạm Ngọc Thạch sinh ngày 7 tháng 5 năm 1909 tại Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Cha ông là nhà giáo Phạm Ngọc Thọ, mẹ thuộc dòng hoàng tộc Huế. Ông mồ côi mẹ khi mới lên 2, không bao lâu cha ông cũng qua đời. Chị ông là bà Phạm Thị Ngọc Diệp lấy chồng là dược sĩ giàu có, vì thế bà có điều kiện nuôi nấng, giúp đỡ em trai học lên bác sĩ. Vốn tính thông minh, học giỏi, khi tốt nghiệp tú tài, ông thi vào theo học tại Đại học Y Hà Nội từ năm 1928, tốt nghiệp bác sĩ ở Paris năm 1934.</p> <p>Tại Pháp, ông được thăng chức Giám đốc Bệnh viện Lao vùng núi phía đông nước Pháp, đồng thời là bác sĩ chuyên khoa tại</p>   |

|   |                     |  |  |
|---|---------------------|--|--|
|   |                     | <p>Viện Điều dưỡng Haute Ville.</p> <p>Cách mạng tháng Tám thành công, ông được phân công là Bộ trưởng Y tế đầu tiên của Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Ủy viên Ủy ban Nhân dân Nam Bộ, rồi lần lượt Thứ trưởng Phủ Chủ tịch, Trưởng phái đoàn Chính phủ tại Nam Bộ (1948-1950), Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, Trưởng ban Y tế của Đảng Lao Động Việt Nam, Thứ trưởng Y tế (1954-1958), từ 1958 là Bộ trưởng Y tế.</p>   |  |
| 5 | <b>Đoàn Khuê</b>    | <p>Đại tướng Đoàn Khuê (1923–1999), bí danh Võ Tiến Trinh; là Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Đại biểu Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1991 đến năm 1997.</p> <p>Đoàn Khuê sinh ngày 29 tháng 10 năm 1923; Mất ngày 16 tháng 1 năm 1998; Quê quán: Thôn Gia Đăng, Xã Triệu Tân, Huyện Triệu Phong, Tỉnh Quảng Trị (nay là Xã Triệu Lăng, Huyện Triệu Phong, Tỉnh Quảng Trị). Trú quán: Số nhà 30 Lý Nam Đế, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.</p> <p>Thời kỳ 1987-1991 ông là Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam, sau đó làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Ông là ủy viên Trung ương Đảng từ khóa IV đến khóa VII, ủy viên Bộ Chính trị các khóa VI, VII (1991 đến lúc mất), đại biểu Quốc hội các khóa VII, VIII, IX.</p> <p>Ông đã được Nhà nước Việt Nam tặng thưởng: Huân chương Sao vàng (truy tặng năm 2007), Huân chương Hồ Chí Minh, 2 Huân chương Quân công hạng nhất, 2 Huân chương Chiến công hạng nhất, Huân chương Chiến thắng hạng nhất, Huân chương Kháng chiến hạng nhất và nhiều huân, huy chương khác.</p>   |  |
| 6 | <b>Nguyễn Khoái</b> | <p>Trong cuộc chiến tranh chống quân Nguyên lần thứ hai, Nguyễn Khoái được cử đem đội quân Thánh Dực bảo vệ Thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông, đồng thời sẵn sàng thực hiện mệnh lệnh chiến đấu. Nguyễn Khoái đã hoàn thành một cách xuất sắc. Bấy giờ, đạo quân của Toa Đô sau khi đánh Chiêm Thành (1282) liền tiến ra Bắc phối hợp với cánh quân phía Bắc thành một gọng kìm nhằm đè bẹp quân và dân nhà Trần. Toa Đô hùng hổ tiến vào châu thổ sông Hồng. Triều đình đã lệnh cho các tướng như Trần Nhật Duật, Trần Quốc Toản và Nguyễn Khoái đón đánh giặc ở Hàm Tử làm cho giặc thua đau, sau đó là trận Tây Kết, Toa Đô càng bị tiêu hao lực lượng. Thắng lợi của hai trận chiến trên đã mở đầu cho các chiến thắng liên tiếp để đánh bại cuộc xâm lược của quân Nguyên lần thứ hai.</p> <p>Trong cuộc chiến tranh chống quân Nguyên lần thứ ba (1288), tướng Nguyễn Khoái lại tiếp tục lập được chiến công vẻ vang, góp phần to lớn vào thắng lợi chung của cả dân tộc. Bấy giờ, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn quyết định trận đánh quyết chiến quyết lược ở sông Bạch Đằng. Đây là trận thủy chiến có quy mô lớn kết hợp mai phục và bao vây. Đội quân Thánh Dực của Nguyễn Khoái có nhiệm vụ chủ động tấn công chia cắt đội hình giặc làm cho chúng lúng túng tràn vào ổ mai phục của ta và Nguyễn Khoái đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ này.</p> |  |
| 7 | <b>Nguyễn Cao</b>   | <p>Nguyễn Cao (1837 - 1887), tên đầy đủ là Nguyễn Thế Cao, hiệu là Trác Hiên; là một danh tướng nhà Nguyễn và là một nhà thơ Việt Nam ở thế kỷ 19. Sinh ra trong một gia đình có truyền thống yêu nước, khoa bảng tại làng Cách Bi, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc huyện Quế Võ, Bắc Ninh).</p> <p>Năm 1873, quân Pháp đánh chiếm thành Hà Nội lần thứ nhất, khi ấy ông mới ra làm quan và được giữ chức Tán lý quân vụ</p>   |  |

|   |                                  |  |
|---|----------------------------------|--|
|   |                                  | <p>tỉnh Bắc Ninh (cho nên người đời còn gọi ông là Tán Cao). Ngay sau đó, ông cùng với Ngô Quang Huy, Phạm Thận Duật, Trương Quang Đản dẫn quân bao vây tỉnh thành Hà Nội, đánh bật đồn bốt của đối phương tại Gia Lâm ngày 4 tháng 12 năm 1873, rồi kéo quân về Siêu Loại đánh dẹp luôn quân phi, giữ yên cho dân chúng.</p> <p>Ngày 27 tháng 3 năm 1883 ông đem quân đánh vào phố hàng Đậu, Cửa Đông (Hà Nội), sau đó rút quân về phía bắc sông Hồng. Ngày 15 tháng 5 năm ấy, Nguyễn Cao chỉ huy nghĩa quân đánh một trận lớn tại Gia Lâm. Trận này ông bị thương nặng, nhưng vẫn cố sức chiến đấu. Sau đó, ông còn đánh với Pháp nhiều trận khác nữa, như ở: Phả Lại, Yên Dũng, Quế Dương, Võ Giàng, Từ Sơn, Thuận Thành...</p> <p>Năm 1884, khi thành Bắc Ninh mất vào tay quân Pháp, Nguyễn Cao rút quân về thành Tĩnh Đạo, rồi cùng với Nguyễn Thiện Thuật, Ngô Quang Huy lãnh đạo phong trào Tam tỉnh Nghĩa Đoàn hoạt động trên các địa bàn Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Tây.</p> <p>Ngày 27 tháng 3 năm 1887, tại một trận đánh ở làng Kim Giang (Hà Tây) ông bị quân Pháp bắt. Đối phương dùng mọi thủ đoạn dụ dỗ, mua chuộc, nhưng đều bị Nguyễn Cao cự tuyệt. Để giữ tròn khí tiết, ông đã tự rạch bụng, moi ruột, hỏi đối phương: Ruột gan tao đây, bay xem có khúc nào phản thì bảo.</p> <p>Biết không thể dụ hàng được, ngày 14 tháng 4 năm Đinh Hợi (1887), quân Pháp đã đem Nguyễn Cao ra chém đầu tại vườn Dừa (gần Hồ Gươm, Hà Nội), lúc ấy ông mới 50 tuổi.</p>  |
| 8 | <p><b>Khuất<br/>Duy Tiến</b></p> | <p>Khuất Duy Tiến (1909 – 11 tháng 2 năm 1984), nhà hoạt động cách mạng, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại biểu Quốc hội khóa I, nguyên Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính Thành phố Hà Nội những ngày đầu Cách mạng Tháng Tám và trong thời kỳ Kháng chiến chống Pháp.</p> <p>Ông quê ở thôn Thuần Mỹ, xã Trạch Mĩ Lộc, huyện Tùng Thiện, phủ Quảng Oai, tỉnh Sơn Tây (nay là huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội).</p> <p>Tháng 3-1930, ông là Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Nam Định, tháng 11 năm đó là Ủy viên thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ.</p> <p>Năm 1930, ông gia nhập và trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương. Ông làm Bí thư Tỉnh ủy Nam Định kiêm Thái Bình.</p> <p>Tháng 8 năm 1947 ông làm Cục trưởng Cục Ngoại thương (Bộ Kinh tế),</p> <p>Năm 1948 ông chuyển sang làm Đồng lý sự vụ Bộ Nội vụ một thời gian, sau đó làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính Kháng chiến Khu Đặc biệt Hà Nội (sau khi Hà Nội sáp nhập với Hà đông và là một khu thuộc Liên khu III), cơ quan đóng tại khu vực Chợ Cháy, Xuân Tinh, Trầm Lộng trên trục đường Cống Thần đi Ứng Hòa; Phó Bí thư Thành ủy Hà nội kiêm Trưởng ban Tuyên huấn.</p> <p>Năm 1949 ông là Ủy viên thường vụ Đặc khu ủy Hà nội.</p> <p>Năm 1952 ông giữ chức Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính Liên khu IV.</p> <p>Năm 1954 khi chính quyền cách mạng tiếp quản Hà nội, ông được cử làm Ủy viên Ủy ban Hành chính Thành phố. Chủ tịch Ủy ban là bác sĩ Trần Duy Hưng, Phó chủ tịch là ông Trần Danh Tuyên. Năm 1955 - 1956 ông là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hà Nội.</p> |

**Hoàng  
Quốc  
Việt**

Hoàng Quốc Việt (1905-1992) là nhà cách mạng, chính trị gia, nguyên Bí thư Tổng bộ Việt Minh, Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam, Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ.

Ông tên thật là Hạ Bá Cang, sinh ngày 28 tháng 5 năm 1905, tại Đáp Cầu, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh (ngày nay là phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh).

Ông tham gia các phong trào cách mạng từ năm 1925, cùng hoạt động với Nguyễn Đức Cảnh, Ngô Gia Tự. Năm 1925, học năm thứ ba Trường Kỹ nghệ Thực hành ở Hải Phòng, tham gia phong trào bãi khoá và biểu tình phản đối chính quyền thực dân kết án tử hình nhà yêu nước Phan Bội Châu. Bị đuổi học, Hoàng Quốc Việt lên mỏ Phấn Mễ (Thái Nguyên) làm thợ nguội rồi về làm ở mỏ Mạo Khê (Quảng Yên) và Nhà máy cơ khí Carông (Hải Phòng). Năm 1928, tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Năm 1929, ông bị đuổi ra khỏi nhà máy, sau đó được tổ chức cử vào Nam Kỳ hoạt động cách mạng bí mật.

Năm 1930 ông vào Nam Kỳ và được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Ông từng bị Pháp bắt và xử tù chung thân cùng với Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng... nhưng đến năm 1936 thì được trả tự do.

Ông trở về hoạt động cách mạng ở Hà Nội, cùng một số đồng chí của mình khôi phục tổ chức Đảng và các tổ chức cách mạng ở Bắc Kỳ, phát động đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ.

Năm 1937, ông được cử làm Bí thư Xứ uỷ Bắc Kỳ. Năm 1938, do bị chính quyền trục xuất khỏi Hà Nội, Hoàng Quốc Việt về hoạt động ở Bắc Ninh, Bắc Giang. Năm 1941, ông tham dự Hội nghị VIII Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Hồ Chí Minh chủ trì, được cử vào Ban Chấp hành Trung ương và được bầu làm Ủy viên Thường vụ Trung ương. Ông tham gia lãnh đạo Tổng khởi nghĩa tháng Tám, sau đó được cử vào Nam công tác.

Năm 1960, ông được bầu làm Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, tham gia Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội trưởng Hội Hữu nghị Việt - Trung. Tháng 12 năm 1976, trong Đại hội IV Đảng Cộng sản Việt Nam, ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương. Ông tiếp tục giữ nhiều chức vụ: Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1977), Chủ tịch danh dự Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1983), Đại biểu Quốc hội từ khóa V-VIII.

Ông mất ngày 25 tháng 12 năm 1992, an táng tại nghĩa trang Mai Dịch, thành phố Hà Nội.